

Số: 1622/2025/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 289/2009/TLST-DS ngày 08/6/2009.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Trần T.L.T, sinh năm 1971; Địa chỉ: 114/7/14 đường D, Phường A (Phường N, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Q.C, sinh năm 1971; Địa chỉ: 332/105 đường D (số mới 566/113 đường S), phường A, (Phường N, quận G cũ), TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn H.M; Địa chỉ: 286 đường N, Phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần H.U.T, sinh năm 1973; Địa chỉ: 1053/4 đường L, Phường Đ (Phường M, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần H.U.T: Bà Trần T.L.T; Địa chỉ: 114/7/14 đường D, Phường A (Phường N, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Q.T, sinh năm 1992; Địa chỉ: 420/2B (số mới 36/4) đường B, Phường A (Phường N, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn L.B.T, sinh năm 1970; Địa chỉ: 332/105 đường D (số mới 566/113 đường S), phường A, (Phường N, quận G cũ), TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn L.B.T: Ông Nguyễn H.M; Địa chỉ: 286 đường N, Phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Hàng thừa kế của là ông Trần C (chết năm 1997) và bà Trần T.C (chết năm 2004) gồm: Ông Trần Q.C (sinh năm 1971), bà Trần T.L.T (sinh năm 1971), bà Trần H.U.T (sinh năm 1973), ông Trần Q.T (sinh năm 1992).

2. Di sản thừa kế của ông Trần C (chết năm 1997) và bà Trần T.C (chết năm 2004) là quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 66-1; Tờ bản đồ số 64 Phường M, địa chỉ 332/105 đường D, phường A, (Phường M, quận G cũ), TP Hồ Chí Minh diện tích 231,98m², theo Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐƠ hồ sơ gốc số 7176/2003 do UBND quận G cấp ngày 23/6/2003.

3. Phân chia di sản thừa kế như sau:

Các bên thống nhất phát mãi nhà và đất tại 332/105 đường D (số mới 566/113 đường S), phường A, (Phường N, quận G cũ), TP Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐƠ hồ sơ gốc số 7176/2003 do UBND quận G cấp ngày 23/6/2003 sau 01 tháng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Sau khi phát mãi, giao cho ông Trần Q.C và bà Nguyễn L.B.T toàn bộ giá trị phần công trình xây dựng trên đất.

Sau khi trừ đi phần giá trị công trình trên đất, phần di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất được chia như sau:

Ông Trần Q.C được hưởng 30,54% giá trị quyền sử dụng đất.

Bà Trần T.L.T được hưởng 23,95% giá trị quyền sử dụng đất.

Bà Trần H.U.T được hưởng 23,95% giá trị quyền sử dụng đất.

Ông Trần Q.T được hưởng 21,56% giá trị quyền sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Q.C phải chịu 57.188.101 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.937.500 đồng theo biên lai thu tiền số 08898 ngày 8/11/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (Nay là Phòng Thi hành án khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Q.C còn phải chịu tiền án phí là 54.250.601 đồng.

Bà Trần T.L.T phải chịu 56.500.164 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.440.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000575 quyền số 0012 ngày 8/6/2009 của Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (Nay là Phòng Thi hành án khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà L.T còn phải chịu tiền án phí là 53.060.164 đồng

Bà Trần H.U.T phải chịu 56.500.164 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01078 ngày 05/12/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (Nay là Phòng Thi hành án khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh). Bà U.T còn phải chịu tiền án phí là 50.500.164 đồng.

Ông Trần Q.T phải chịu 56.250.669 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 08602 ngày 16/9/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (Nay là Phòng Thi hành án khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Q.T còn phải chịu tiền án phí là 50.250.669 đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7, TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Quốc Việt